| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 62A/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2018
V/v tranh chấp " ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG**
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân :
1/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**
2/ Bà **Phạm Thị Phượng**
Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - KSV.

Ngày 24/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2018/TLST- HNGĐ ngày 12/4/ 2018 về việc " ly hôn " theo quyết định xét xử số 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2018 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn* : Anh Cao Minh T, sinh 1982 (có đơn xin vắng mặt )
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
*Bị đơn* : Chị Trần Thị Mỹ H, sinh 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Cao Minh T trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Mỹ H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống dẫn đến hai người thường xuyên tranh cãi và hai người ly thân đến năm 2014 thì về chung sống lại với nhau Anh và chị cố gắng hòa hợp để lo cho con, với hy vọng hàn gắn tình cảm thế nhưng vẫn không có kết quả mà mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Anh và chị H đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh cảm thấy tình cảm đối với chị H không còn nữa nên anh yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 người tên Cao Thị Mộng T, sinh ngày 29/02/2004 hiện đang chung sống với chị H. Sau khi ly hôn anh đồng ý để con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tư khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quá trình chung sống với nhau, về con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh T

đã có cuộc sống riêng và có con với người khác nên mới làm đơn ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu ly hôn chị đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố anh Cao Minh T và chị Trần Thị Mỹ H không phải là vợ chồng. Giao con chung là Cao Thị Mộng T, sinh ngày 29/02/2004 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ đơn yêu cầu của anh Cao Minh T thì anh và chị Trần Thị Mỹ H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh T khởi kiện chị H về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị H, tuy nhiên khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng chị H vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh T có đơn in xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy việc chung sống với nhau như vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh T và chi Hằng từ khi chung sống với nhau, hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống dẫn đến hai người thường xuyên tranh cãi , anh chị đã ly thân từ năm 2008 đến năm 2014. Vì con nên anh chị đã hàn gắn tình cảm, thế nhưng vẫn không có kết quả mà mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Anh, chị tiếp tục ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Anh T cảm thấy tình cảm với chị H không còn nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H. Chị H cũng thống nhất với lời trình bày của anh T về quá trình chung sống, quá trình ly thân nhưng chị cho rằng mâu thuẫn không lớn, anh T có người phụ nữ khác nên mới yêu cầu ly hôn với chị nên chị không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T là có thật, anh chị đã 02 lần ly thân với nhau (Từ 2008 đến 2014 và từ 2016 đến nay), anh chị cũng đã có thời gian hàn gắn lại nhưng không thể hòa hợp được. Từ phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Song việc anh T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến thời điểm hiện tại anh T cũng không muốn tiếp tục chung sống với chị H. Do đó, anh T và chị H không được pháp luật công nhận là vợ

chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, tuyên bố anh T và chị H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 người tên Cao Thị Mộng T, sinh ngày 29/02/2004 hiện đang chung sống với chị H. Sau khi ly hôn anh đồng ý để con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đây cũng là nguyện vọng của cháu T sau khi cha mẹ ly hôn nên được chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là anh Cao Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên.***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147**,** điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 14, các Điều 51, 5Điều 53, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Minh T.

Tuyên bố anh Cao Minh T và chị Trần Thị Mỹ H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Mộng T, sinh ngày 29/02/2004 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Cao Minh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh T đã nộp 300.000 đồng( Ba trăm ngàn đồng ) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001479 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Anh T, chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

***Nơi nhận*** :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu .

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thanh Giảng**